

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY, KIỂM NGHIỆM NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THCS CẨM GIANG

(Đợt 5: Từ ngày 19/01/2026 đến ngày.....)

Stt	Họ và tên	Văn bản			Phân công giảng dạy		Phân công kiểm nhiệm		Liên trường		Tổng số tiết (giảng dạy+ kiểm nhiệm+ liên trường)	Số tiết vượt, thiếu		Ghi chú
		Gốc	Hiện nay	Môn 2 đã học	Giảng dạy môn-lớp-tiết (VD: Toán 9A (4); Anh 9C (3))	Số tiết	Kiểm nhiệm (VD: Tổ trưởng (3))	Số tiết	Số tiết	Tên trường đến dạy		Vượt	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	CBQL													
1	Lê Đình Mai	CD Toán-Lí	ĐH Toán		Toán 9D (2)	2		17			19	0	0	
2	Nguyễn Văn Nhất	CD Toán-Lí	ĐH Toán		Toán 6B (4)	4		15			19	0	0	
B	Giáo viên										0			
B.1	Biên chế										0			
1	Nguyễn Văn Nam	CD Toán	ĐH Toán		Toán 7ADE(12); Toán 6E (4), HĐTN - HN 7E (1)	17	CN 7E (4),	4			21	2	0	
2	Bùi Văn Khắc	CD Toán-Lí	ĐH Toán		Toán 9AC(8); Toán 7B(4), HĐTN - HN 9C(2)	14	CN 9C (4),	4			18	0	1	
3	Vũ Thị Hương	CD Toán-Hóa	ĐH Toán	Hóa	Toán 9B (4); Toán 9D(2); KHTN(Hóa) 6ABCDE(1); 7DE (2), HĐTN - HN9B (2)	12	TT (3), CN 9B (4)	7			19	0	0	
4	Vũ Đình Phước	ĐH Lý	ĐH Lý		KHTN (Lý) 6ABCDE(5); 7C(1) 8ABCDE(6), 9ABCD(5), HĐTN - HN7C (1)	18	CN 7C (4),	4			22	3	0	
5	Vũ T Thanh Huyền	CD Hóa	ĐH Hóa		KHTN (Hóa) 8ABCDE(7); Hóa 9ABCD (6), 6ABCCD(1) HĐTN - HN 8B (1)	15	CN 8B (4); Tổ phó (1)	5			20	1	0	
6	Vũ Đăng Tú	CD TD-Sinh	ĐH Sinh		KHTN (Sinh) 6ABCDE(8), 8ABC (4,5); 9ABCD (4,5), HĐTN - HN (1)	18	CN 6B (4),	4			22	3	0	
7	Bùi Thị Hà	CD KTCN-NN	ĐH Toán		CNghệ 7ABCDE (5), 8ABCDE(7,5), 9ABCD(6), HĐTN - HN 8A(1)	19.5	CN 8A (4)	4			23.5	4.5	0	
8	Vũ Thị Nhung	CD Văn-Sử	ĐH Văn	Sử	Văn 9CD(8); Văn 7D(4), HĐTN - HN (1)	13	CN 7D (4); TT (3)	7			20	1	0	
9	Nguyễn Văn Kiệt	CD Văn	CD Văn		Văn 6BCD(12); CNghệ 6ABCDE(5); GDĐP(Văn) 7ABCDE, (1)	18	Thanh tra	2			20	0	0	
10	Lương Thị Nga	CD Văn-Sử	ĐH Văn		Văn 9A(4); Văn 8ADE(12), HĐTN - HN 9A (2)	18	CN 9A (4)	4			22	3	0	
11	Bùi Thị Hiền	CD Văn-Địa	ĐH Văn		Văn 9B(4); Văn 7AC(8); HĐTN - HN7A (1), GDĐP(Văn) 8ABC(3)	16	CN 7A (4); Tổ phó (1)	5			21	2	0	

12	Lương Thị Thêu	ĐH Sử	ĐH Sử		LS&ĐL(Sử) 9ABCD(6); Sử 8DE(3); Sử 7DE(3), Sử 6DE(3), GDĐP (Sử) 7DE, 8DE, 9CD(3), HĐTN - HN 8D (1)	19	CN 8D (4)	4				23	4	0	
13	Vũ Thị Khuyên	CĐ Sử-Địa	ĐH Sử		Sử 7ABC(4,5), Sử, Địa 8ABC(9), Địa 9AB(3), GDĐP(Sử, Địa)8ABC; Sử 7ABC,9AB(4)	20.5						20.5	1.5	0	
14	Nguyễn Thị Huyền	ĐH Địa	ĐH Địa		LS&ĐL (Địa) 6ABCDE(7,5), Địa 7ABCDE(7,5), Địa 8DE (3), Địa 9CD(3), GDĐP(Địa) 6ABCDE, 9ABCD, 8DE(3)	24						24	5	0	
15	Vũ Thị Quyền	CĐ Sử-CD	ĐH Sử	GDCD	GDCD 6,7,8,9(19)	19						19	0	0	
16	Trần Việt Hùng	CĐ Anh	ĐH Anh		Anh 8ABC (9), Anh 7BC(6), HĐTN - HN 8ABC., 7C(4)	19						19	0	0	
17	Nguyễn T. Lan Hồng	CĐ Anh	ĐH Anh		Anh 7AD(6), Anh 6BD(6), HĐTN - HN 7AB, 6ABCDE (6)	19						19	0	0	
18	Nguyễn Thị Giang	CĐ Nhạc-Đội	ĐH AN		NT (Âm nhạc) 6,7,8,9 (19)	19						19	0	0	
19	Nguyễn Công Điềm	CĐ TD-Sinh	ĐH TD		GDTC 6ABC,7ABCD,8ABC, 9D(20).	20						20	1	0	
20	Trần Văn Phưông	CĐ TD	ĐH TD		GDTC 6DE,7DE,8DE,9ABCD(19)	18						18	0	1	
21	Phùng Văn Tuệ	CĐ MT-Đội	ĐH MT		NT(Mỹ thuật) 6,7,8,9(19);	19						19	0	0	
22	Nguyễn Xuân Giản	CĐ Tin	ĐH Tin		Tin 6(5) , Tin 7(5), Tin 8(5), Tin 9(4)	19	CNTT (3)	3				22	3	0	
23	Lưu Thùy Linh	CĐ Toán	Đh Toán		Toán 8ABC(12), HĐTN - HN 7C (1)	13	CN 8C (4), PTĐĐ (3)	7				20	1	0	
24	Nguyễn T.Hải Như	ĐH Toán-Lí	Ths Toán		Toán 6D(4), KHTN(Lý) 7ADE(4), HĐTN - HN 6D(1)	9	CN 6D. PT Đội (4)	8				17	0	2	
B.2	Hợp đồng														
1	Phạm T.Phương Anh	ĐH Lí	ĐH Lí	KHTN	KHTN(Lý) 7B(4), (Sinh) 7ABCDE (9); 8CD (3)	16	PT Đội (4)	4				20	0	0	
2	Nguyễn Thị Chung	ĐH Anh	ĐH Anh		Anh 7E (3), Anh 9ABCD (12), HĐTN - HN 9D (2)	17	CN 9D(4)	4				21	2	0	
3	Nguyễn Văn Hiệu	ĐH Toán	Ths Toán		Toán 6AC, 7C (12), HĐTN-HN 6C (1)	13	CN 6C (4), PT Đội (2)	6				19	0	0	
4	Lê Thị Chinh	ĐH Toán	ĐH Toán		Toán 8DE (8), HĐTN-HN 8DE, 7DE (5)	13	CN 8E (4), PT Đội (2)	6				19	0	0	
5	Cao Thị Phưông	CĐ Văn Sử			Văn 6AE(12); LS&ĐL(Sử) 6ABC (4,5); GDĐP(Sử) 6ABCDE (2,5), HĐTN - HN 6A (1)	16	CN 6A (4)	4				20	1	0	
6	Phạm Thị Khuyên	ĐH Anh			Anh 6ACE(9), Anh 8 DE (6), HĐTN - HN 6E(1)	16	CN 6E (4)	4				20	1	0	
7	Nguyễn Thị Thùy	ĐH Văn			Văn 8BC(8), Văn 7BE(8), GDĐP(Văn) 6ABCDE; 8DE(2), HĐTN - HN7B (1)	19	CN 7B (4)	4				23	4	0	

B.3	Liên trường													
0														
C	Nhân viên													
1	Lương Thị Thuý	TC KT	ĐH KT		Kế toán.									
2	Lê Thị Thúy	TC Y tế	ĐH Y		Y tế, Thư viện.									
3	Nguyễn Thị Hoài	TC KT	ĐH KT		Văn thư, Thủ quỹ									HĐ
												43	4	

NGƯỜI LẬP

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Nhất

Lê Đình Mai